

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An
(Tuần từ 16/10/2020 - 22/10/2020)**

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 07/10 đến 7h,14/10/2020 (mm)	Lượng mưa lũy tích từ 1/1/2020 đến 7h,14/10/2020 (mm)	So sánh lũy tích với các năm cùng kỳ(+/- (%))				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	52,7	1773,4	+14	+54	+19	-1	345,2
2	Đô Lương	16,4	1015,2	-32	-23	-27	-10	320,5
3	Cửa Rào	5,6	873,5	-26	-6	-47	-10	173,6
4	Tây Hiếu	46,6	986,2	-30	+2	-42	-8	236,1
5	Nam Đàn	20,0	1139,0	-21	+6	-24	-6	359,3
6	Quỳ Châu	29,6	1576,8	+4	+50	-18	+27	215,1
7	Quỳnh Lưu	28,6	964,6	-28	-17	-50	-20	253,8
8	Quỳ Hợp	44,2	1290,0	-11	+10	-28	+36	212,0
9	Mường Xén	4,0	1012,0	-8	-3	-23	+23	134,5
10	Nghĩa Khánh	29,0	1128,0	-13	+16	-21	+11	199,0
Trung bình		27,7	1175,9	-15	+9	-26	+4	244,9

Nhận xét:

- Tổng lượng mưa thực đo trong tuần từ 07/10/2020 đến 7h ngày 14/10/2020 trong vùng trung bình khoảng 27,7mm, trong đó lượng mưa đo được cao nhất là trạm Vinh với lượng mưa đạt 52,7mm.

- Tổng lượng mưa lũy tích trong vùng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 14/10/2020 phổ biến từ 873,5 - 1.773,4 mm:

+ So với trung bình nhiều năm: lượng mưa đo được tại phần lớn các trạm đều thấp hơn từ 8 - 32%, riêng trạm Quỳ Châu cao hơn 4%, Vinh cao hơn 14%.

+ So với cùng kỳ năm 2019: lượng mưa đo được tại 5/10 trạm thấp hơn từ 1 - 20%, 5/10 trạm cao hơn từ 23-36%.

+ So với cùng kỳ năm 2018: lượng mưa đo được tại phần lớn các trạm thấp hơn từ 18-50%, riêng trạm Vinh cao hơn 19%

+ So với cùng kỳ năm 2015: lượng mưa đo được tại 6/10 trạm cao hơn từ 2- 54%, 4/10 trạm thấp hơn từ 3-23%.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	41	41	-30	-4	-59	-19	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	21	16	-35	-8	-80	-31	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	27	26	-25	+8	-73	-16	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	43	38	-32	-11	-57	-36	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	44	42	-26	+5	-56	-34	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	47	44	-19	+14	-53	-1	Tăng
8	Bàu Gia	3,8	3,6	20	15	-48	-33	-80	-43	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	46	44	-32	-1	-54	-43	Giảm
10	Kê Sặt	3,0	2,9	7	3	-54	-37	-93	-23	Giảm
11	Nhà Trò	4,7	4,4	45	41	-32	+16	-55	-45	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	20	12	-43	-16	-80	-31	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	22	14	-56	-40	-78	-65	Giảm
14	Vệ Vũng	18,4	17,2	15	9	-52	-27	-85	-43	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	21	16	-47	-32	-79	-42	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	30	23	-45	-36	-64	-46	Giảm
17	Bà Tùy	5,5	5,1	31	25	-33	+3	-69	-18	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,7	64	57	-21	-18	-34	-20	Giảm
19	Bàu Đá	3,9	3,7	41	38	-36	+10	-59	-52	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	12	9	-32	+11	-88	-2	Tăng
22	Cao Cang	1,6	1,6	100	100	+15	+62	0	+31	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	30	30	-40	-17	-70	-52	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	75	75	-15	-25	-25	-25	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	82	77	-4	-10	-6	+4	Tăng
27	Khe Thàn	4,4	3,1	27	-3	-46	-	-73	-66	Giảm
28	Khe Sân	1,5	1,4	36	34	0	-	-	-	-
29	Đình Dù	1,7	1,6	34	30	-38	-20	-66	-24	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	4	-1	-19	-	-	-38	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	14	14	-8	-	-	-15	Giảm
32	Đá Bàn	1,2	1,1	11	6	-13	-	-	-27	Giảm
33	Khe Bung	2,1	2,0	60	58	-19	-7	-31	-31	Giảm



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
34	Đồi Tương	2,4	2,2	44	38	-42	-46	-46	-52	Giảm
35	Bà Hảo	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Tăng
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	38	35	-47	-62	-55	-45	Giảm
NGHỆ AN		265,1	233,7	52	46	-25	-13	-42	-24	

b) Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 52% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 25% so với TBNN, 24% so với năm 2019, 42% so với năm 2018 và thấp hơn 13% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại có 5 hồ đang đầy nước là: Nghi Công, Cầu Cau, Cao Cang, Khe Là, Bà Hảo; có 2 hồ mực nước vẫn đang dưới mực nước chết là: Mộ Dạ, Khe Thần.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối tuần tới của các hồ có 28/36 xu thế giảm, 8/36 có xu thế tăng so với cùng kỳ năm 2019.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1.834,6	1.383	86,6	82,3	-0,4	+2,8	-10,2	+12,4	-	34,5
T.Bình	1.834,6	1.383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có thấp hơn 0,4% so với TBNN, 10,2% so với năm 2018, cao hơn 12,4% so với năm 2019, và 2,8% so với năm 2015 cùng kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Đến thời điểm hiện tại 36 hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích đạt 52% so với DTTK, thấp hơn so với cùng kỳ các năm gần đây. Hiện nay các công trình đang trong giai đoạn tích nước. Theo dự báo, trong tuần tới lượng mưa trung bình toàn vùng đạt 244,9 mm.

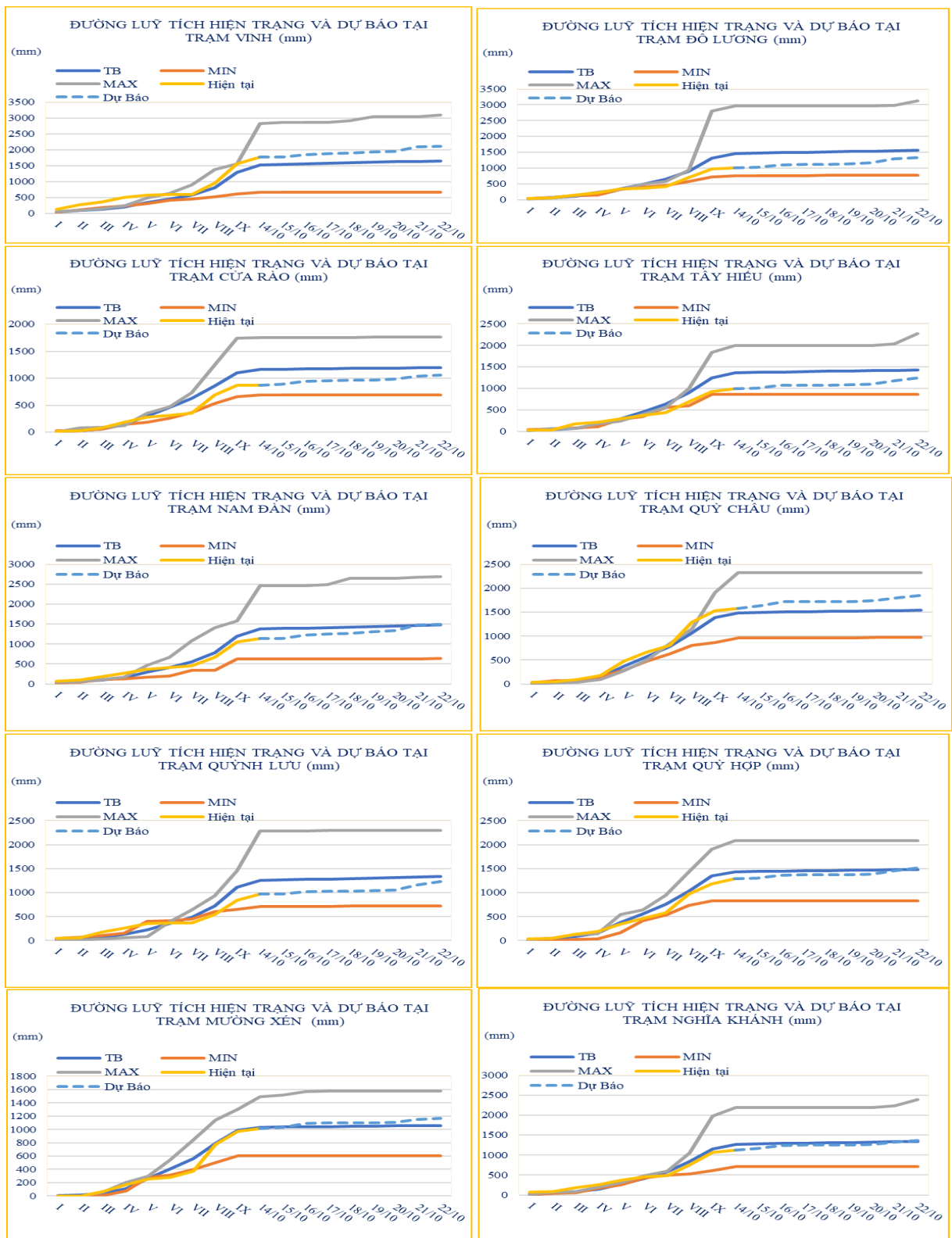
2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/1 đến 22/10/2020 (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Vinh	Vinh	2119,3	+213	+24	-31	Mưa rất to
2	Đô Lương	Đô Lương	1336,8	+73	-15	-57	Mưa rất to
3	Cửa Rào	Cửa Rào	1060,9	+53	-13	-40	Mưa to
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	1244,8	+44	-16	-45	Mưa to
5	Nam Đàn	Nam Đàn	1499,1	+136	-2	-44	Mưa rất to
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	1849,8	+89	+18	-20	Mưa to
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	1229,1	+70	-12	-46	Mưa rất to
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	1519,0	+82	+3	-27	Mưa to
9	Mường Xén	Mường Xén	1165,4	+92	+2	-26	Mưa to
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	1372,3	+92	+1	-43	Mưa to

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo từ ngày 16/10 đến ngày 22/10 trong vùng phổ biến từ 135 - 359 mm.

- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/1 đến nay và dự báo cho thấy có 5/10 trạm thấp hơn từ 2 ÷ 16%, 5/10 trạm cao hơn 1 ÷ 24% so với cùng kỳ TBNN.



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020

2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An										
	Cộng										

III. PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC HỒ CHỨA CỬA VAN

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Tổng lượng lũ đã xả (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất cho phép tại thời điểm tính toán (m)			Dự báo tổng lượng dòng chảy đến tuyến công trình hết tuần (triệu m ³)	Dự báo dung tích đến cuối tuần (%)	Khuyến cáo tích nước
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			
1	Hồ Vực Máu	18,58	0	21	20,8	17,4	1,54	48,5	Tích nước
2	Hồ Sông Sào	74,5	0	75,7	75,1	70,9	7,17	51,4	Tích nước

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Theo số liệu thống kê trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã thu hoạch được khoảng 80.500,6ha/86.174,4ha lúa, diện tích chưa thu hoạch chủ yếu là lúa rẫy ở 2 huyện Tương Dương và Kỳ Sơn.

Nguồn nước trữ các hồ chứa hiện ở mức thấp so với TBNN, chỉ đạt 52%. Trong thời gian tới, các hồ tiến hành tích nước, tăng dung tích trữ để đảm bảo cấp đủ nước cho sản xuất năm 2021 sắp tới.

Dự báo tuần tới trên địa bàn tỉnh Nghệ An sẽ có mưa lớn tại nhiều nơi, đề nghị các địa phương, cơ quan quản lý vận hành công trình cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch tích trữ nước và phương án vận hành đảm bảo an toàn công trình.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 22/10/2020.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

